

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **716/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-10-2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Bà Trần Ngọc Bảo Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lữ Văn Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Huỳnh Thị Cẩm T**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp T, xã K S, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Phạm Thanh T**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp T, xã K S, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T và anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh T kết hôn năm 2013 và có đăng

ký kết hôn tại UBND xã B A, huyện G C Đ, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phạm Mạnh T, sinh ngày 25/02/2015. Hiện đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có một con chung tên Phạm Mạnh T, sinh ngày 25/02/2015. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Trường hợp Tòa giao con cho chị T nuôi thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Mạnh T, sinh ngày 25/02/2015, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có. Anh T đồng ý ly hôn với chị T, anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng, trường hợp Tòa giao con cho chị T nuôi, anh T không cấp dưỡng. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T, giao cháu Phạm Mạnh T, sinh ngày 25/02/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung chị T và anh T trình bày thống nhất không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Huỳnh Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thanh T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị T và anh T xác lập hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm và anh chị đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn và anh T đồng ý, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên Phạm Mạnh T, sinh ngày 25/02/2015. Chị T và anh T đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy tại phiên tòa chị T và anh T khai thống nhất hiện tại nghề nghiệp của chị T là giáo viên mầm non, anh T là công an, công việc của anh chị đều ổn định, tuy nhiên anh T trình bày do tính chất đặc thù của công việc nên mỗi tháng anh phải trực đêm 02 lần, mỗi lần là 07 ngày, công việc của chị T chỉ làm giờ hành chính nên có nhiều thời gian chăm sóc con hơn và hiện tại cháu

T cũng đang sống cùng với chị T. Từ đó nhận thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T, Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung chị T và anh T trình bày thống nhất không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Mạnh T, sinh ngày 25/02/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng áp phí theo biên lai thu số 0008703 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- UBND xã B A, huyện G C Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh